

THỦ TỤC CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA RỜI CẢNG BIỂN (TRỪ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA MANG CẤP VR-SB)

20.1. Trình tự thực hiện:

a) Nộp hồ sơ TTHC: (Mã hồ sơ: 1.003286)

Trước khi phương tiện thủy nội địa rời cảng biển, người làm thủ tục nộp, xuất trình cho Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa các giấy tờ, tài liệu của phương tiện thủy theo quy định.

b) Giải quyết TTHC:

- Chậm nhất 30 phút kể từ khi người làm thủ tục đã nộp và xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định tại khoản 2 Điều này Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa cấp Giấy phép rời cảng biển đối với phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

- Trường hợp phương tiện thủy nội địa vào cảng biển và lưu lại trong khoảng thời gian không quá 72 giờ, không bốc, dỡ hàng hóa, không đón, trả hành khách và giấy tờ, tài liệu khi làm thủ tục rời cảng không thay đổi so với khi đến thì được làm thủ tục vào, rời vào lúc rời cảng.

- Trường hợp phương tiện thủy nội địa được cấp Giấy phép rời cảng nhưng vẫn lưu lại vùng nước cảng quá 24 giờ, kể từ thời điểm phương tiện được phép rời cảng thì phải làm lại thủ tục rời cảng biển theo quy định tại Điều này.

20.2. Cách thức thực hiện

- Qua fax, khai báo điện tử, gửi trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

- Trường hợp làm thủ tục điện tử: người làm thủ tục thực hiện khai báo, gửi hồ sơ thông qua Cổng thông tin điện tử và không phải nộp, xuất trình giấy tờ tại địa điểm làm thủ tục. Trường hợp giấy tờ khai báo, gửi qua Cổng thông tin điện tử không bảo đảm điều kiện của chứng từ điện tử hoặc không đủ dữ liệu điện tử để kiểm tra, đối chiếu, người làm thủ tục nộp, xuất trình tại địa điểm làm thủ tục.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Bản khai chung (đối với phương tiện thủy nội địa) theo mẫu;

- Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi) theo mẫu;

- Danh sách hành khách (nếu có thay đổi) theo mẫu;

- Giấy tờ liên quan đến những thay đổi so với những loại giấy tờ phải xuất trình khi vào cảng (nếu có);

- Chứng từ xác nhận việc nộp phí, lệ phí, tiền phạt hoặc thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất 30 phút, kể từ khi người làm thủ tục đã nộp, xuất trình đủ các giấy tờ theo quy định.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa;

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa hoặc Đại diện Cảng vụ hàng hải/Cảng vụ đường thủy nội địa;

d) Cơ quan phối hợp: Không có.

20.7. Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép rời cảng biển.

20.8. Phí, lệ phí:

Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội theo quy định tại Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính:

- Bản khai chung (đối với phương tiện thủy nội địa);
- Danh sách thuyền viên (nếu có thay đổi);
- Danh sách hành khách (nếu có thay đổi);
- Giấy phép rời cảng biển.

20.10. Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC: Không có.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;
- Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải;
- Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;
- Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa;
- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng.

Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính, mẫu kết quả thủ tục hành chính kèm theo:

Mẫu Bản khai chung (đối với phương tiện thủy nội địa):

BẢN KHAI CHUNG
(Cho phương tiện thủy nội địa)

	Đến	Rời
1. Tên phương tiện:	5. Tên cầu, bến cảng sẽ cập:	6. Thời gian hoạt động tại cảng:
2. Số đăng ký:		<i>Thời gian đến cảng:</i> <i>Thời gian rời cảng:</i>
3. Dung tích:	7. Cảng, bến rời cuối cùng	8. Cảng/bến kế tiếp
4. Trọng tải:		
9. Tên thuyền trưởng		
10. Tên, địa chỉ, số điện thoại của chủ phương tiện:		
11. Hàng hóa, số lượng xếp/dỡ:		
12. Mã số Giấy phép rời cảng, bến điện tử (*):		

(*) Mục này chỉ khai khi phương tiện đến cảng.

..., ngày ... tháng ... năm ...
Thuyền trưởng (hoặc người được ủy quyền
hoặc đại lý)

Mẫu Danh sách thuyền viên (đối với phương tiện thủy nội địa):

DANH SÁCH THUYỀN VIÊN
(Cho phương tiện thủy nội địa)

ĐếnRời

Tên phương tiện:			
STT	Họ và tên	Chức danh	Số Bằng, Giấy chứng nhận

..., ngày ... tháng ... năm 20...
Thuyền trưởng (hoặc đại lý)

Mẫu Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở khách):

DANH SÁCH HÀNH KHÁCH
(Cho phương tiện thủy nội địa)

ĐếnRời

Tên tàu:			
TT	Họ và tên	Ngày và nơi sinh	Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân

..., ngày ... tháng ... năm 20...
Thuyền trưởng (hoặc người được ủy quyền hoặc đại lý)

Mẫu Giấy phép vào/rời cảng biển:

(1).....

(2)

Số:/GP

GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG BIỂN

Tên phương tiện:

Số đăng ký:

Trọng tải

Tên thuyền trưởng:

Trọng tải

Vào cảng, bến:.....

Cập mạn tàu: Đâu tại cầu, phao

Hàng dỡ Số lượng

Tấn/Teu

Hàng xếp: Số lượng.....

Tấn/Teu

Số thuyền viên:

Số hành khách (nếu có):

Trong thời hạn: từ ngày...../.../.... đến ngày .../.../...

Được rời cảng lúc....giờ ngày.... tháng... năm...

Cảng, bến đến:

....., ngày.....tháng.....năm.....

.....

Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

(1).....

(2).....

Số:..... /GP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP VÀO/RỜI CẢNG BIỂN

(Cho phương tiện thủy nội địa)

Cho phép phương tiện thủy: Số đăng ký:

Tên thuyền trưởng:

Trọng tải

Vào cảng, bến:

Cập mạn tàu: tại cầu, phao:

Hàng dỡ:số lượng..... Tấn/Teu ...

Hàng xếp: số lượng..... Tấn/Teu.....

Số thuyền viên:

Số hành khách (nếu có):

Trong thời hạn: từ giờ ngày ... tháng ... năm đến giờ thángnăm

Được rời cảng lúc giờ ngày tháng năm

Cảng, bến đến:

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....

Người có thẩm quyền ký, đóng dấu

Ghi chú:

- (1) Cơ quan chủ quản;
- (2) Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép.